

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 285/TTr-TNMT ngày 19/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghiệp Nienyi Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Nhà xưởng CN-09-08, CN-09-09, lô CN-09, Khu công nghiệp (KCN) Vân Trung, phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Dự án Nienyi VietNam Industrial” tại Nhà xưởng CN-09-08, CN-09-09, lô CN-09, KCN Vân Trung, phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở đầu tư

1.1. Tên cơ sở: “Dự án Nienyi VietNam Industrial”.

1.2. Chủ cơ sở: Công ty TNHH Công nghiệp Nienyi Việt Nam.

1.3. Địa điểm hoạt động: Một phần lô CN-09, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400860701 do Phòng Đăng ký kinh doanh

thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 01/4/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 12/3/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 9815326698 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 26/3/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 24/11/2021.

1.5. Mã số thuế: 2400860701

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất, gia công dây cáp mạng, dây cáp điện thoại, cáp dữ liệu USB, bộ cụm dây dẫn - Wire harness (cho các thiết bị); Sản xuất, gia công thiết bị hệ thống thông tin; Sản xuất, gia công các sản phẩm phụ kiện máy tính; Sản xuất, gia công các loại cáp quang; Sản xuất, gia công hạt nhựa để phục vụ cho sản xuất dây cáp; Sản xuất, gia công bộ đổi nguồn; Sản xuất, gia công sản phẩm thiết bị bộ kết nối Bluetooth.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở thực hiện tại Nhà xưởng CN-09-08, CN-09-09, lô CN-09, KCN Vân Trung, phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với diện tích đất sử dụng 11.859,4 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn.

- Công suất sản xuất của cơ sở:

+ Sản xuất, gia công dây cáp mạng, dây cáp điện thoại, cáp dữ liệu USB, bộ cụm dây dẫn - Wire harness (cho các thiết bị): 35.300.000 sản phẩm/năm (Trong đó: dây cáp mạng: 30.000.000 sản phẩm/năm; dây cáp điện thoại: 1.300.000 sản phẩm/năm; dây cáp dữ liệu USB: 2.200.000 sản phẩm/năm; bộ dây dẫn- wire harness (cho các thiết bị): 1.800.000 sản phẩm/năm);

+ Sản xuất, gia công thiết bị hệ thống thông tin, chi tiết: Giắc cắm Keystone, cáp cao tần và các phụ kiện đi kèm: 1.800.000 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất, gia công các sản phẩm phụ kiện máy tính, chi tiết: Dây cáp HDMI, tai nghe: 600.000 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất, gia công các loại cáp quang: 400.000 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất, gia công hạt nhựa để phục vụ cho sản xuất dây cáp: 600 tấn sản phẩm/năm;

+ Sản xuất, gia công bộ đổi nguồn: 800.000 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất, gia công sản phẩm thiết bị bộ kết nối Bluetooth, chi tiết: Bluetooth Module, Anten Bluetooth (ăng ten): 600.000 sản phẩm/năm;

+ Dự án đăng ký xuất khẩu 100% sản phẩm và được áp dụng các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghiệp Nienyi Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Công nghiệp Nienyi Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Công nghiệp Nienyi Việt Nam:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên để kiểm tra, xem xét giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 (bảy) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Dự án Nienyi VietNam Industrial” của Công ty TNHH Công nghiệp Nienyi Việt Nam thực hiện tại lô CN-09, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên) và các giấy

phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Công ty TNHH Fugiang, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Dự án Nienyi VietNam Industrial” tại Nhà xưởng CN-09-08, CN-09-09, lô CN-09, KCN Vân Trung, phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH công nghiệp Nienyi Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 336/QĐ-TNMT ngày 07/5/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang; Công ty TNHH Fugiang; UBND thị xã Việt Yên; UBND phường Vân Trung; Công ty TNHH Công nghiệp Nienyi Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH công nghiệp Nienyi Việt Nam (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT. Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt của cơ sở được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên do Công ty TNHH Fugiang (Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó xả thải ra môi trường (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối công trình nước thải ngày 30/10/2019 và hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải số 0404-NIAN YI-NT/HDXLNT-VT/2019 ngày 04/04/2019 giữa Công ty TNHH Công nghiệp Nienyi Việt Nam và Công ty TNHH Fugiang); cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng ống PVC D110 về 02 bể tự hoại 5 ngăn của cơ sở để xử lý sơ bộ với dung tích 20 m³/bể. Sau đó nước thải được thu gom bằng đường ống PVC D110, với tổng chiều dài 50 m đưa về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở công suất 50 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, dẫn theo đường ống HDPE D300 và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên.

- Đối với nước làm mát: Nước sử dụng cho công đoạn làm mát dây tại quy trình sản xuất dây cáp và quy trình sản xuất cáp cao tần khoảng 6,0 m³/ngày, lượng nước được sử dụng tuần hoàn, không xả thải ra môi trường, hàng ngày bổ sung lượng nước hao hụt khoảng 0,1 m³/ngày.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B → đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học MBBR.
- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày đêm.
- Hóa chất sử dụng: Men vi sinh là 6 kg/tháng; Clorine là 4 kg/tháng; Metanol là 100 kg/tháng; Mật rỉ đường là 30 kg/tháng; NaOH là 100 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải

1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành), tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng, duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, với tần suất 03 tháng/lần.

1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

* Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải hay sự cố kỹ thuật khác:

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng để kiểm tra, kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống này để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày, khi đó Chủ dự án phải thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định.

* Khi gặp sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn cho phép:

- Nước thải qua hệ thống xử lý có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể xả thải, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất tại bể điều hòa và hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ dự án cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý. Đồng thời, thông báo cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Vân Trung để xử lý và có phương án tiếp nhận xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở “Dự án Nienyi VietNam Industrial” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 3833/GXN-TNMT ngày 03/11/2021, trong đó có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m³/ngày đêm. Do đó, cơ sở không phải thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m³/ngày đêm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 02 nguồn

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại công đoạn hàn và làm sạch bằng cùn.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại quy trình sản xuất hạt nhựa.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải: 02 dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn hàn và làm sạch bằng cùn.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại quy trình sản xuất hạt nhựa.

2.1. Vị trí xả khí thải: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0).

- Vị trí 1: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn hàn và làm sạch bằng cùn. Tọa độ vị trí xả thải: X= 2349620, Y= 410542.

- Vị trí 2: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại quy trình sản xuất hạt nhựa. Tọa độ vị trí xả thải: X= 2349564, Y= 410521.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 26.000 m³/giờ, tương đương 312.000 m³/ngày (thời gian làm việc tối đa 12 giờ/ngày), cụ thể:

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m³/giờ, tương đương 144.000 m³/ngày.

- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 14.000 m³/giờ, tương đương 168.000 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (tối đa 12 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả thải ra ngoài môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ); QCVN 20:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ); cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 1:

TT	Thông số giám sát	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)	QCVN 20:2009/ BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	Theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ
2	CO	mg/Nm ³	1.000	-	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	-	
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	-	
5	Đồng và hợp chất (tính theo Cu)	mg/Nm ³	10	-	
6	Metanol	mg/Nm ³	-	260	

- Dòng khí thải số 2:

TT	Thông số giám sát	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)	QCVN 20:2009/ BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	Theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ
2	CO	mg/Nm ³	1.000	-	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	-	
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	-	
6	Etyl axetat	mg/Nm ³	-	1.400	
7	Vinyl Chloride	mg/Nm ³	-	20	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

* Khí thải phát sinh tại công đoạn hàn thiếc, lau cùn: Tại mỗi vị trí phát sinh bố trí các chụp hút kích thước D160-D300 (gồm 48 chụp hút tại các vị trí hàn; 30 chụp hút tại các vị trí lau cùn), sau đó dẫn qua đường ống 300x500mm, chiều dài 56m, bằng tôn mạ kẽm dẫn về hệ thống xử lý khí thải nhờ quạt hút ly tâm có công suất 12.000 m³/giờ.

* Khí thải phát sinh tại quy trình sản xuất hạt nhựa: Tại thiết bị trộn bố trí 01 chụp hút kích thước 2.000x2.000mm; tại thiết bị gia nhiệt nhựa bố trí 01 chụp hút kích thước 1.000x1.000mm, sau đó dẫn vào đường ống dẫn D400-D600, chiều dài 24m, bằng tôn mạ kẽm dẫn về hệ thống xử lý nhờ quạt hút ly tâm có công suất 14.000 m³/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn hàn thiếc, lau cùn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tủ than hoạt tính → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính: 160 kg/năm.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải quy trình sản xuất hạt nhựa:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tủ than hoạt tính → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 14.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính: 160 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ (03 tháng/lần) kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Định kỳ (01 năm/lần) thuê đơn vị bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn cho phép.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại cơ sở, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở “Dự án Nienyi VietNam Industrial” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 3833/GXN-TNMT ngày 03/11/2021, trong đó có hệ thống xử lý khí thải hàn, hơi còn và hệ thống xử lý khí thải sản xuất hạt nhựa. Do đó cơ sở không phải vận hành thử nghiệm đối với các công trình xử lý khí thải nêu trên.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên để kiểm tra, xử lý theo quy định.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại tầng 1 xưởng CN-09-08.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại tầng 2 xưởng CN-09-08.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại tầng 2 xưởng CN-09-09.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰)

- Vị trí 1: Tại khu vực tầng 1 xưởng CN-09-08. Tọa độ X=2349642; Y=410535.
- Vị trí 2: Tại khu vực tầng 2 xưởng CN09-08. Tọa độ X=2349630; Y=410649.
- Vị trí 3: Tại khu vực tầng 2 xưởng CN09-09. Tọa độ X=2349641; Y=410485.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.
- Các máy móc, thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.
- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ), đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng....
- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân. Có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 848 Kg/năm; trong đó:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	40
2	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	200
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	Rắn	80
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	Rắn	120
5	Than hoạt tính thải bỏ từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	320
6	Bông lọc bụi từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	5
7	Dầu thải	Lỏng	60
8	Hộp mực in thải	Rắn	8
9	Mực in thải	Rắn	15
Tổng cộng			848

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 28.850 Kg/tháng; trong đó:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (Kg/tháng)
1	Nguyên liệu, sản phẩm lỗi hỏng, bavia, dây đồng, dây nhôm... (chiếm 1 % nguyên liệu đầu vào)	10.000
2	Nhựa thừa, bavia, đầu mẫu dây dẫn, sản phẩm lỗi hỏng... (chiếm 1,5% nguyên liệu đầu vào)	18.000
3	Thùng gỗ, bìa carton, túi nilon,...	500

4	Bao bì, nhãn mác, giẻ lau gang tay thải (không nhiễm thành phần nguy hại),...	350
Tổng cộng		28.850

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 180 kg/ngày, với thành phần chủ yếu bao gồm túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy,... phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng và nhà ăn.

Bùn thải từ bể tự hoại 24 m³/năm; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 2,45 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí khoảng 09 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 200 lít/thùng, đặt trong kho chứa CTNH để thu gom, lưu chứa riêng từng loại CTNH, bên ngoài thùng chứa có dán mã, kí hiệu và tên từng loại CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với than hoạt tính, bông lọc bụi từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom định kỳ 06 tháng/lần và được thực hiện cùng với quá trình xử lý chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Kho chứa có diện tích khoảng 25m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho được xây bằng tường tôn, nhà mái tôn, nền láng xi măng, có cửa khóa, dán biển cảnh báo CTNH theo quy định.
- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí khoảng 10 thùng bằng nhựa, dung tích khoảng 100 lít/thùng, đặt tại khu vực sản xuất và khoảng 15 bao dứa, dung tích 100-200 lít, đặt tại kho chứa chất thải công nghiệp.

Đối với hàng lỗi của cơ sở được lưu giữ tại kho hàng phế có diện tích khoảng 356,43 m² để khai báo hải quan trước khi xử lý theo quy định.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa

- Kho chứa có diện tích khoảng 30m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho được thiết kế tường tôn, mái tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 tháng/lần).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí khoảng 30 thùng đựng rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 10-20 lít/thùng, đặt tại khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, khu nhà ăn.

Đối với cặn bùn tại các bể tự hoại, định kỳ 06 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng hút bể phốt mang đi xử lý theo quy định.

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được lưu giữ tại bể chứa bùn thể tích 9m³, định kỳ 06 tháng/lần đưa đi xử lý cùng chất thải sinh hoạt.

2.3.2. Kho /khu vực lưu chứa:

- Kho chứa có diện tích khoảng 15m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho chứa được thiết kế tường tôn, nhà mái tôn, nền láng xi măng, dán biển báo theo quy định.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 tuần/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động sản xuất trở lại sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Công nghiệp Nienyi Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 285/TTr-TNMT ngày 19/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án./.